

LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP TẬP

QUYỂN 11

PHẦN QUYẾT TRẠCH

Phẩm 2: PHÁP (Phần 1)

Hỏi: Thế nào là pháp Quyết trạch?

Đáp: Pháp là mười hai phần thánh giáo. Gồm có:

1. Khế kinh.
2. Ứng tụng.
3. Ký biệt.
4. Phúng tụng.
5. Tự thuyết.
6. Duyên khởi.
7. Thí dụ.
8. Bản sự.
9. Bản sinh.
10. Phương quảng.
11. Pháp chưa từng có.
12. Luận nghị.

- *Khế kinh*, là dùng văn xuôi nối kết nói lược các nghĩa nên nói.

Hỏi: Vì sao Như Lai không khai diễn rộng những nghĩa đáng nói?

Đáp: Như Lai quán sát mười thứ thắng lợi mà nói lược các pháp, là dễ có thể lập ra, dễ có thể giảng nói, dễ có thể thọ trì, vì cung kính pháp mà tư lương Bồ-đề mau chóng được tròn đầy, mau chóng thông đạt thật tánh các pháp, đối với sự chứng đắc của Chư Phật có thể chứng tịnh tín, đối với sự chứng đắc của pháp và tăng có thể chứng tịnh tín, có thể xúc chứng bậc nhất hiện pháp lạc trụ. Tâm người làm luận quyết trạch, trí an vui được tham dự vào số của những vị thông minh.

Hỏi: Thế nào gọi là dễ có thể lập ra?

Đáp: Những người nói pháp dùng vô lượng môn để an lập mở bày nghĩa nên nói, ở đây nói lược là dễ lập ra.

Hỏi: Thế nào là dễ có thể giảng nói?

Đáp: Vì có thể dùng ít ngôn từ mà nói về rộng đại nghĩa, theo điều thuyết mà có thể khiến tâm trụ đẳng trụ. Nói rộng như vậy, “dễ có thể thọ trì”, là khiến cho người nghe dễ thọ trì. “Vì cung kính pháp, tư lương Bồ-đề mau chóng được tròn đầy”, vì biết rõ pháp Phật là đã chứng của tuệ sâu, thì đối với pháp sinh kính ái sâu xa, do kính ái môn mà các tư lương như tín... mau chóng tròn đầy. “Mau chóng thông đạt thật tánh các pháp”, tức là do năng lực phương tiện kính pháp khiến cho trí tuệ của người đó chuyển thêm mạnh mẽ dần dần có thể thông đạt thật tánh các pháp. “Đối với chỗ chứng đắc của ba ngôi báu có thể chứng tịnh tín”, là do ngộ thánh giáo mà khéo lập ra, vì đối với người nói thì tịnh tín sinh khởi. “Có thể xúc chứng bậc nhất hiện pháp lạc trụ”, là đối với mật ý nghĩa sâu của các Như Lai vì gia hạnh mạnh mẽ nơi chánh tư lương rồi, thì đạt được tầng thượng chứng vui mừng. “Tâm của người bàn luận quyết trạch trí an vui”, là khéo có thể khai phát các nghĩa ẩn sâu kín. “Được tham dự vào số những vị thông minh”, là sự khen ngợi rộng lớn lưu bố khắp mười phương. Phải biết hai câu sau hợp chung thành một thẳng lợi.

- *Ứng tụng*, ngay trong các kinh, hoặc ở giữa kinh, hoặc sau kinh, dùng tụng để lập lại. Lại nữa, kinh Bát Liễu Nghĩa phải dùng tụng để giải thích nên gọi là Ứng tụng.

- *Ký biệt*, là đối với các vị trong Thánh đệ tử đã thuộc về quá khứ, đặc biệt ghi lại đức lỗi, các nơi sinh sống sai khác. Lại nữa, kinh Liễu Nghĩa cũng gọi là Ký biệt, vì đặc biệt ghi lại các ý thâm mật đã chỉ bày.

- *Phúng tụng*, là trong các kinh dùng câu để giảng nói, hoặc dùng hai câu, hoặc ba câu, hoặc bốn câu, hoặc năm câu, hoặc sáu câu.

- *Tự thuyết*, là trong các kinh, hoặc có khi Như Lai thích ý tự nói, như Già-tha nói:

*Đối với pháp như vậy,
Phát tinh tiến mạnh mẽ,
Tĩnh lự tư duy kỹ,
Lúc đó là Phạm chí.*

- *Duyên khởi* là do tỉnh mà nói, tùy theo Bồ-đặc-già-la như vậy mà nói lên như vậy. Lại nữa, có nhân duyên chế lập học xứ, cũng gọi là duyên khởi, là nương vào nhân duyên như vậy, y theo sự như vậy,

cho đến nói rộng

- *Thí dụ*, là trong các kinh có so sánh để nói, vì muốn cho nghĩa gốc được rõ ràng, nên nói các thí dụ.

- *Bản sự*, là sự giảng nói các sự tương ứng đời trước của các Thánh đệ tử.

- *Bản sinh*, là sự giảng nói các sự tương ứng hạnh gốc của các Bồ-tát.

- *Phương quảng*, là Bồ-tát tằng tương ứng với nói năng, như gọi là Phương quảng, cũng gọi là Quảng phá, cũng gọi là Vô tỷ.

Hỏi: Vì sao gọi là Phương quảng?

Đáp: Là vì chỗ nương lợi ích an vui của tất cả hữu tình, nên nói pháp rộng lớn sâu xa.

Hỏi: Vì sao gọi là Quảng phá?

Đáp: Vì có công năng phá trừ tất cả chướng ngại.

Hỏi: Vì sao gọi là Vô tỷ?

Đáp: Vì không có pháp nào sánh bằng. Các tên như phương quảng... này là tên sai khác của nghĩa Đại thừa, do bảy thứ đại tánh tương ứng nên gọi là Đại thừa.

Thế nào là bảy đại tánh:

1. Cảnh đại tánh, vì đạo Bồ-tát duyên trăm ngàn... vô lượng các kinh và giáo pháp rộng lớn làm cảnh giới.

2. Hạnh đại tánh, là chánh hành tất cả hạnh rộng lớn tự lợi lợi tha.

3. Trí đại tánh, là biết rõ pháp Bồ-đặc-già-la rộng lớn là vô ngã.

4. Tinh tiến đại tánh, là đối với ba đại kiếp A-tăng-xí-da, phương tiện tinh tiến tu vô lượng trăm ngàn hạnh khó làm.

5. Phương tiện khéo léo đại tánh, là không trụ sinh tử và Niết-bàn.

6. Chứng đắc đại tánh, là chứng đắc vô lượng vô số đại công đức các lực, vô úy, pháp Phật bất cộng của Như Lai.

7. Nghiệp đại tánh, là cùng tận cùng bờ mé sinh tử hiển bày tất cả thành Bồ-đề, lập ra các Phật sự rộng lớn.

- *Pháp chưa từng có*, hoặc ở xứ đó giảng nói cho Thanh văn nghe là pháp của các đại Bồ-tát và Như Lai rất ít có và rất kỳ diệu.

- *Nghị luận*, hoặc ở xứ đó không có điển đảo, mà giải thích tất cả pháp tướng sâu kín.

Khế kinh như vậy... thuộc về mười hai phần thánh giáo ba tạng. Ba tạng gồm:

1. Tạng Tô-đát-lãm.
2. Tạng Tỳ-nại-da.
3. Tạng A-tỳ-đạt-ma.

Tạng này lại có hai thứ: a. Tạng Thanh văn. b. Tạng Bồ-tát. Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng và Tự thuyết, năm loại này trong tạng Thanh văn thuộc về tạng Tô-đát-lãm. Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự và Bản sinh, bốn loại này trong cả hai tạng Thanh văn và tạng Bồ-tát thuộc về Tỳ-nại-da tạng và quyển thuộc. Duyên khởi, là nói có nhân duyên để lập ra các học xứ, chính là thuộc vào Tỳ-nại-da tạng. Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, ba loại này là quyển thuộc kia thâm nhiếp. Phương quảng, và pháp chưa từng có, hai loại này trong tạng Bồ-tát thuộc tạng Tô-đát-lãm. Phương quảng thì văn nghĩa rộng, chính là thuộc về tạng Bồ-tát; Pháp chưa từng có thì khác nhau khó nghĩ bàn, oai đức rộng lớn, tối thắng tương ưng, nên cũng thuộc về tạng Bồ-tát. Luận nghị, một loại này trong hai tạng Thanh văn và Bồ-tát thuộc về tạng A-tỳ-đạt-ma.

Hỏi: Vì sao Như Lai lập ra ba tạng?

Đáp: Vì muốn đối trị nghi tùy phiền não nên lập ra tạng Tô-đát-lãm, vì muốn dứt trừ nghi hoặc của hữu tình được hóa độ đối với các thứ pháp phát khởi, nên nói Khế kinh, Ứng tụng...

Vì muốn đối trị tùy phiền não hai bên thọ dụng nên lập ra tạng Tỳ-nại-da. Hai bên, là bên hành dụng lạc và biên hành tự khổ. Đối trị thọ dụng, là vì ngăn dứt hành giả thọ dụng chứa nhóm, mà khai mở cho hành giả thọ dụng trăm ngàn thứ như pháp, y phục...

Vì muốn đối trị tùy phiền não tự kiến thủ chấp nên lập ra tạng A-tỳ-đạt-ma, trong các kinh luận có giải thích tướng như thật của các pháp sai khác.

Lại nữa, vì muốn chỉ bày ba thứ học nên lập ra tạng Tô-đát-lãm. Vì sao? Vì hữu tình hóa độ phải nương vào tạng này mà hiểu rõ ba học, vì trong tạng này mở rộng ba thứ tu học.

Vì muốn thành lập giới học tăng thượng và tăng thượng tâm học nên lập ra tạng Tỳ-nại-da, phải nương vào tạng này mà hai tăng thượng học mới được thành lập. Vì sao? Vì rộng giải thích luật nghi biệt giải thoát học đạo thánh giáo làm chỗ nương nương, mới có thể tu trị tịnh Thi-la, nương vào tịnh Thi-la sinh vô hối... dần dần tu học tâm chứng đắc định.

Vì muốn thành lập tuệ học tăng thượng nên lập ra tạng A-tỳ-đạt-ma, phải nương vào tạng này mà tuệ học tăng thượng mới thành lập. Vì sao? Vì trong tạng này khai thị rộng sự chọn lựa phương tiện khéo léo

của các pháp.

Lại nữa, vì muốn chỉ bày nghĩa của chánh pháp nên lập ra tạng Tô-đát-lãm, nương vào tạng này mà văn nghĩa dễ hiểu.

Vì muốn hiển nghĩa pháp để khởi chứng chỗ an túc nên lập ra tạng Tỳ-nại-da, nương vào tạng này có thể tu hai tác chứng học và hành, nên tạng Tỳ-nại-da là pháp nghĩa khởi chứng chỗ an túc. Xứ an túc, là chỗ nương nương.

Vì muốn khiến cho bậc trí luận nghị quyết trạch thọ dụng pháp lạc nên lập ra tạng A-tỳ-đạt-ma, nương vào tạng này những người có trí cùng hỏi đáp nhau để luận nghị quyết trạch thọ pháp lạc trụ, vì trong tạng này dùng vô lượng môn để chỉ bày pháp tánh chân thật của tự tướng cộng tướng của các pháp ...

Như vậy ba tạng có đủ tám vạn bốn ngàn pháp uẩn, là nương vào thừa Thanh văn, thường là chỗ thọ trì của tôn giả A-nan.

Hỏi: Lượng của mỗi pháp uẩn là thế nào?

Đáp: Số mười lần trăm là lượng của pháp uẩn. Mười trăm nghĩa là số một ngàn.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao không nói thẳng số một ngàn?

Đáp: Vì để nói lên kiến lập mỗi một pháp uẩn là nhân của số ngàn. Vì sao? Vì ban đầu số lượng một tăng lên để thành mười số, mười số tăng lên để thành trăm số, ngàn số... do đó số mười trăm mới được thành lập. mười trăm gọi là ngàn, trăm ngàn gọi là trăm ngàn, trăm trăm ngàn gọi là câu-chi, như vậy tất cả các số vị sau đó chắc chắn dùng hai số mười trăm này, tùy theo một mà làm nhân, nên trong đây chỉ tổng lấy hai số mười trăm để lập ra mỗi một pháp uẩn, do số lượng này mà tính chung tám vạn bốn ngàn pháp uẩn thành tám Câu-chi bốn mươi Lạc-xoa.

Hỏi: Như vậy sự thâm nhiếp pháp của ba tạng là cảnh hành của ai?

Đáp: Là sự sinh của Văn, Tư, Tu, là cảnh giới hành của tâm tâm pháp. Chốn hành, nghĩa là sở duyên.

Hỏi: Lại nữa, do tướng của sở duyên này nương vào tâm tâm pháp lập ra nghĩa hữu duyên... như trong kinh nói: “Hữu duyên, hữu hạnh, hữu y của tâm tâm pháp tương ứng với tướng của sở duyên kia”, thì đối với pháp này làm sở duyên nào?

Đáp: Là sở duyên của Khế kinh, Ứng tụng... đây là hiển Danh Thân, Cú Thân và Văn Thân, đã thâm nhiếp giáo pháp của khế kinh... làm cảnh sở duyên.

Hỏi: Khởi những hạnh gì?

Đáp: Là nghĩa tương ứng như uẩn, đây là nói nương vào nghĩa của uẩn khởi ngôn giáo pháp, tâm tâm pháp kia khởi hành tướng này.

Hỏi: Nương vào chỗ nào?

Đáp: Là tha biểu liễu nhớ nghĩ tập khí là các hạt giống ghi nhớ hành vi thể hiện bên ngoài của người khác, đây là nói khi đang nói pháp thì dùng tha biểu liễu (biết rõ chỗ biểu hiện của người khác) làm chỗ nương, như nói từ ngôn âm của người khác, kể đó về sau khi nhớ nghĩ làm chỗ nương, như cái gì đã nghe rồi thì tùy theo niệm mà tập quen, lại từ đây về sau khi tập khí làm chỗ nương, do sau khi tập quen thì lực của tập khí càng mạnh thêm, tuy là nhớ nghĩ nhưng tướng tương tự kia hiển hiện.

Hỏi: Thế nào là tương ứng?

Đáp: Là làm trợ giúp lẫn nhau, đối với hạnh sở duyên bình đẳng hiểu rõ. Do tâm tâm pháp làm trợ giúp lẫn nhau, đối với cảnh giới sở duyên của Khế kinh, Ứng tụng... lấy tương ứng nghĩa hạnh của Uẩn Giới Xứ mà bình đẳng hiểu rõ.

Hỏi: Thế nào là pháp sở duyên khác nhau?

Đáp: Nếu nói lược thì có bốn thứ:

1. Sở duyên đầy khắp.

2. Sở duyên trị hạnh.

3. Sở duyên khéo léo.

4. Sở duyên tịnh hoặc.

- Sở duyên đầy khắp lại có bốn thứ:

a. Sở duyên có phân biệt ảnh tượng.

b. Sở duyên không phân biệt ảnh tượng.

c. Sở duyên sự bờ mé.

d. Sở duyên sở tác thành tựu.

+ Sở duyên có phân biệt ảnh tượng, là do tác ý thắng giải tất cả cảnh sở duyên của Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Tác ý thắng giải, là tác ý hoàn toàn của thế gian.

+ Sở duyên không phân biệt ảnh tượng, là do tất cả cảnh sở duyên chỉ quán của tác ý chân thật. Tác ý chân thật, là tác ý của xuất thế gian và sự đắc tác ý từ đây về sau.

+ Sở duyên sự biên tế, là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu của tất cả pháp. Tánh tận sở hữu là uẩn giới xứ, vì hiển chỗ nhận biết về thể sự của các pháp, chỉ có phần lượng biên tế như thế, nên lập ra ba thứ uẩn giới xứ. Như tánh sở hữu, là mười sáu hạnh Chân như của bốn

thánh đế, tất cả hạnh Vô thường, tất cả hành khổ, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, Không, Vô nguyện, Vô tướng, do nghĩa môn sai khác như vậy để hiểu rõ cảnh được nhận biết, gọi là như sở hữu tánh, hoặc dùng môn đế để hiểu rõ cảnh được nhận biết tức là đã nói Uẩn Giới Xứ ở trước, tùy sự thích ứng của nó mà biết rõ là khổ cho đến là Đạo, hoặc dùng môn hành để hiểu rõ cảnh được nhận biết, là mỗi đế đều do bốn hạnh và tất cả pháp vô sai khác đều là hạnh chân thật, hoặc lấy môn các pháp Ô-đà-nam để hiểu rõ cảnh được nhận biết, là các hành Vô thường cho đến Niết-bàn vắng lặng; môn giải thoát để hiểu rõ cảnh được nhận biết, là Không, Vô nguyện, Vô tướng.

+ Sở duyên sở tác thành tựu như thế v.v... là chuyển y. Người đã đắc chuyển y rồi thì không có điên đảo, vì sở duyên hiển hiện, như vậy sở duyên bất khả tư nghì, trước đã nói trong như sở hữu tánh có mười sáu hạnh và ba môn giải thoát, như vậy hai thứ thâm nhiếp lẫn nhau.

Hỏi: Không thâm nhiếp bao nhiêu hạnh?

Đáp: Nhiếp hai hạnh, là hạnh không và hạnh Vô ngã.

Hỏi: Vô nguyện thâm nhiếp bao nhiêu hạnh?

Đáp: Nhiếp sáu hạnh, là hạnh Vô thường, Hạnh khổ, Hạnh nhân, Hạnh tập, Hạnh sinh, và Hạnh duyên, vì vô nguyện đối với ba cõi không có gì mong cầu.

Hỏi: Vô tướng thâm nhiếp bao nhiêu hạnh?

Đáp: Nhiếp tám hạnh, là tám hạnh của diệt đạo, vì vô tướng kia không thể hiện hành các tướng.

- Sở duyên trị hạnh, nói lược có năm thứ:

a. Hạnh đa tham, là người duyên cảnh bất tịnh.

b. Hành vi nặng về đa sân, là người duyên cảnh tu từ.

c. Hành vi nặng về si, là người duyên các cảnh duyên khởi của nhiều duyên tánh.

d. Hạnh kiêu mạn, là người duyên cảnh sai khác của các giới.

e. Hành tâm, tứ, là người duyên cảnh nhớ nghĩ hơi thở ra vào.

Hỏi: Vì sao hành vi nặng về đa tham, hành vi nặng về đa sân... Duyên bất tịnh, duyên tu từ... là tu trị hạnh cảnh sở duyên phải không ?

Đáp: Do tu trị hạnh sở duyên này có thể dứt trừ tham, sân tăng thượng...

- Sở duyên khéo léo, lược có năm thứ:

a. Uẩn khéo léo.

b. Giới khéo léo.

c. Xứ khéo léo.

d. Duyên khéo léo.

e. Xứ phi xứ khéo léo.

Hỏi: xứ phi xứ khéo léo làm sao quán được ?

Đáp: Phải nên như duyên khởi khéo léo mà quán.

Hỏi: Duyên khởi khéo léo và xứ phi xứ khéo léo có gì sai khác?

Đáp: Là dùng các pháp để làm thắm nhuần các pháp khiến lia vô nhân và nhân bất bình đẳng mà sinh, đó là duyên khởi khéo léo. Nói dùng các pháp vô minh... để tô đậm các pháp của hành... thì các pháp đó chẳng phải vô nhân mà sinh, cũng chẳng phải nhân bình đẳng của trời tự tại... mà sinh. Quán trí như vậy gọi là duyên khởi khéo léo. Nhân quả tương xứng nhiếp thọ sinh khởi là xứ phi xứ khéo léo. Nói dù chỉ có pháp làm nhân, nhưng do nhiếp thọ nhân tương xứng mới có thể sinh khởi quả tương xứng, như hạnh thiện thì chiêu cảm Di thực đáng ưa, hành vi ác thì chiêu cảm Di thực không đáng ưa. So sánh như vậy, quán trí như vậy, gọi là xứ phi xứ khéo léo.

- Sở duyên tịnh hoặc, là các thô tánh hạ địa, tinh tánh thượng địa, Chân như và bốn thánh đế. Thô tánh hạ địa, tinh tánh thượng địa, là dựa vào đạo thế gian mà nói, do đây mà điều phục các triền phược. Chân như và bốn thánh đế, là dựa vào đạo xuất thế mà nói, tóm lược là Chân như, nói rộng là bốn thánh đế, do đây mà dứt bỏ hẳn tùy miên.

Lại nữa, nhân theo biện luận quán sát các pháp của khế kinh... phải giải thích đạo lý của các pháp, do nương vào đạo lý này mà có thể quán các pháp kia.

Hỏi: Nếu chánh cần quán sát đối với các pháp thì do bao nhiêu loại đạo lý mới có thể chánh quán sát ?

Đáp: Do bốn thứ đạo lý:

1. Đạo lý quán đãi.
2. Đạo lý tác dụng.
3. Đạo lý chứng thành.
4. Đạo lý pháp nhĩ.

- Đạo lý quán đãi: Là khi các hạnh sinh thì phải chờ nhiều duyên, như khi mầm sinh thì phải chờ các duyên như hạt giống, thời tiết, nước, đất... khi các thức sinh thì phải chờ nhiều duyên như Căn, Cảnh, Tác ý...

- Đạo lý tác dụng: Là các pháp dị tướng đều có tác dụng riêng, như nhãn căn làm tác dụng chỗ nương của nhãn thức, cảnh giới của sắc làm tác dụng sở duyên của nhãn thức. Nhãn... các thức phân biệt rõ sắc... như thợ vàng bạc khéo tu sửa các vật dụng vàng bạc... so sánh như vậy.

- Đạo lý chứng thành: Là vì chứng thành nghĩa nên thành, nói các lượng không trái với lời nói. Nghĩa nên thành, là sự thấu nhiếp nghĩa đáng nên thành của tự thể sai khác. Các lượng không trái với lời nói, là hiện lượng... không trái với lời lập tông.

- Đạo lý pháp nhĩ: Là từ vô thủy đến nay, trong sự trụ pháp của tự tướng, cộng tướng, tất cả thành tựu pháp tánh pháp nhĩ, như lửa có thể đốt cháy, nước có thể làm cho rửa nát, các pháp thành tựu pháp tánh pháp nhĩ như vậy. Như kinh nói: “Nhân tuy viên tịnh không, Vô thường cho đến vô ngã”. Vì sao? Vì tánh của nó là pháp nhĩ.

Hỏi: Lại nữa, chánh cần trong các pháp quán sát bốn đạo lý rồi thì làm sao mà khởi tâm tư?

Đáp: Là khởi bốn thứ Tâm Tư:

1. Danh tâm tư.
2. Sự tâm tư.
3. Tự thể giả lập tâm tư.
4. Sai khác giả lập tâm tư.

- Danh Tâm Tư, là suy cầu tự tướng của các pháp danh thân, cú thân, văn thân đều không thành thật, vì danh thân... đều là giả có, quán sát tự tướng của nó đều không thành thật.

- Sự Tâm Tư, là suy tìm tướng các pháp Uẩn Giới Xứ đều không thành thật, vì các Uẩn Giới Xứ cũng như danh cú văn thân, sự giảng nói sự đều không thành thật, nên quán sát tướng của Uẩn Giới Xứ đều không thành thật. Suy cầu, nghĩa là quán sát.

- Tự thể giả lập Tâm Tư, là trong các pháp năng thuyên sở thuyên tương ứng mà suy tìm tự thể, chỉ là giả lập nhân tánh của lời nói năng thuyên sở thuyên tương ứng, là hai thứ nương lẫn nhau để hiểu ngộ nhân tánh. Vì sao? Vì thiện danh ngôn thì chỉ nghe năng thuyên, do môn ý niệm thì liền đối với sở thuyên được sinh hiểu ngộ, hoặc chỉ đắc sở thuyên do môn ý niệm thì liền đối với năng nêu giảng được sinh hiểu ngộ, đối với chủng loại như vậy mà lập chung tương ứng. Tự tướng của nhân... chỉ là giả lập, chỉ đối với danh ngôn của nhục đoàn... vì trong nhân khởi danh ngôn này, nếu như thế thì quán sát tự thể của danh đó mà giả lập tâm tư.

- Sai khác giả lập tâm tư, là trong các pháp năng thuyên, sở thuyên tương ứng mà suy tìm sai khác, thì chỉ là giả lập nhân tánh của danh ngôn. Vì sao? Vì trong năng thuyên, sở thuyên tương ứng mà suy tìm các tướng sai khác hoặc thường hoặc Vô thường, hữu thượng vô thượng, sắc Vô Sắc, hữu kiến vô kiến... chỉ là giả lập nhân tánh của danh ngôn.

Quán sát như vậy gọi là sai khác giả lập tâm tư.

Lại nữa, đối với pháp chánh cần tu tâm tư rồi thì chắc chắn đối với các pháp sẽ đắc trí như thật.

Hỏi: Làm thế nào khởi trí như thật?

Đáp: Là khởi bốn trí như thật:

1. Danh tâm tư sở dẫn trí như thật.
2. Sự tâm tư sở dẫn trí như thật.
3. Tự thể giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật.
4. Sai khác giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật.

- Danh tâm tư sở dẫn trí như thật, là trí biết như thật danh là không thật có .

- Sự tâm tư sở dẫn trí như thật, là trí biết như thật sự tướng cũng là không thật có.

- Tự thể giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật, là trí biết như thật thật có tự tánh không thật có.

- Sai khác giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật, là trí biết như thật thật có sai khác không thật có. Bốn thứ trí như thật như đã tâm tư ở trước biết rõ danh, sự... như thật đều là không thật có.

Lại nữa, người dựa vào pháp tu Tam-ma-địa, là địa Du-già.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Địa này lược có năm thứ:

1. Trì.
2. Nhậm.
3. Cảnh (gương).
4. Minh.
5. Y.

- Trì, là đã chứa nhóm Bồ-đề tư lương, đối với các vị như Noãn, Đảnh... , mà nương vào tất cả đa văn của các Thánh đế, như sự đa văn mà an lập cảnh sở duyên của chỉ quán, gọi đó là trì. Lại nữa, người đã chứa nhóm Bồ-đề tư lương rồi, vì cầu để hiện quán mà nghe thọ pháp của khế kinh... nên gọi là đa văn.

- Nhậm, là duyên cảnh này mà tác ý đúng như lý, do tác ý này dựa vào sự đa văn tư duy không trái ngược nghĩa sở văn nhậm giữ tâm .

- Cảnh (gương), là duyên cảnh nơi Tam-ma-địa hữu tướng này, Tam-ma-địa ấy tức là duyên đa văn, vì cảnh cùng với tướng định đồng thời nên gọi là hữu tướng, do Tam-ma-địa ấy còn liên đới với tướng của sự nơi sự nhận biết đồng phần ảnh tượng. Lại nữa, Tam-ma-địa này có thể chiếu soi xem xét vật chất của sự sở tri nên thí dụ như cảnh

(gương).

- Minh, là trí Vô sở đắc của năng thủ và sở thủ, do trí này mà sự thâm nhiếp hiện quán của Kiến đạo chuyển.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát nương địa du-già theo phương tiện tu học chứng Vô sở đắc ?

Đáp: Là các Bồ-tát đã khéo chứa nhóm hai thứ tư lương phước đức trí tuệ rồi, đã vượt qua vô số đại kiếp thứ nhất rồi, văn (nghe) thuận theo thông đạt Chân như, các pháp của khế kinh... như lý tác ý phát khởi Tam-ma-địa nương vào định tâm. Ảnh tượng sở tri trong định tư duy, quán ảnh tượng này không khác với định tâm, nương vào ảnh tượng này mà xả tướng ngoại cảnh, chỉ có định quán sát ảnh tượng của tướng, lúc đó Bồ-tát biết rõ các pháp chỉ có tự tâm, bên trong thì trụ tâm đó, biết tất cả thứ cảnh giới được nhiếp lấy đều là Vô sở hữu, vì đối tượng nhiếp lấy không có, tất cả năng thủ cũng không phải chân thật, nên tiếp theo biết rõ năng thủ là phi hữu. Kế đó bên trong xả lìa hai thứ lớp tánh của sở đắc mà chứng Vô sở đắc. Nương vào đạo lý này mà Phật đức Bạc-già-phạm đã khéo giảng nói: “Bồ-tát trong định vị quán ảnh tượng chỉ là tâm, nghĩa tướng đã diệt trừ, thì sự quán sát chỉ có tự tướng, biết chỗ trụ là nội tâm, biết sở thủ là phi hữu, kế đó năng thủ cũng không có, sau đó xúc cũng Vô sở đắc.

- Y, là chuyển y, vì xả li tất cả thô nặng mà đắc thanh tịnh chuyển y, phải biết trong đây lấy hai vị nhân quả giải thích địa Du-già, do bốn thứ Trì, Nhậm, Cảnh, Minh trước mà giải thích nhân của địa này, sau cùng y, là giải thích quả của địa ấy.

Hỏi: Lại nữa, thế nào là pháp khéo léo, nghĩa khéo léo, văn khéo léo, từ khéo léo, mé trước, mé sau mật ý khéo léo trong các pháp?

Đáp: Như vậy năm câu hỏi thuận theo đã nói trong kinh, như Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: “Trưởng già nên biết! Nếu các Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì có thể thọ nhanh, thọ nhiều, thọ thiện, thọ rồi không mất”. Trong kinh này thì do năm pháp tùy sự thích ứng của nó thành bốn câu nghĩa, thọ nhanh, thọ nhiều...

Hỏi: Thế nào là pháp khéo léo?

Đáp: Là đa văn, đối với pháp khéo léo liền có thể thọ nhanh, do người có đủ học rộng thì phần nhiều có thể thọ nhanh văn cú sai khác.

Hỏi: Thế nào là nghĩa khéo léo?

Đáp: Là trong A-tỳ-đạt-ma và Tỳ-nại-da khéo biết tướng của nó, đối với nghĩa khéo léo thì có thể thọ nhiều, nếu khéo biết rõ tướng của A-tỳ-đạt-ma và Tỳ-nại-da mà trong sự thuyết sự của Uẩn Giới Xứ liền

có thể thâm nhiếp tập hợp nhiều văn.

Hỏi: Thế nào là văn khéo léo?

Đáp: Là khéo biết văn từ huấn thích.

Hỏi: Thế nào là từ khéo léo ?

Đáp: Là có thể khéo biết ngôn từ thế tục của ngã ngã sở, không quá chấp trước, thuận theo mà nói. Nếu đối với ngôn từ đều được khéo léo, thì liền có thể khéo léo lãnh thọ điều đã nói, vì khéo biết huấn thích văn từ, khéo biết ngã ngã sở của ngôn từ thế tục, không quá chấp trước, thuận theo mà nói, tức là không có điên đảo mà lãnh thọ văn nghĩa.

Hỏi: Thế nào là mé trước mé sau mật ý khéo léo?

Đáp: Là có thể khéo biết đối với mé trước mà lãnh thọ, đối với mé sau mà xuất ly. Nếu đối với của mật ý khéo léo mé trước mé sau, thì liền có thể thọ rồi mà không bị hoại mất, nương vào sự thọ pháp của mé trước, sau đó có thể chứng đắc xuất ly, do khéo hiểu rõ mật ý của Như Lai thì có thể chứng đắc thánh giáo kiên thật.

Hỏi: Thế nào là an trụ trong pháp trong các pháp?

Đáp: Nếu không đắc tu tuệ mà chỉ có phương tiện cần tu tập văn tư thì không được gọi là an trụ vào pháp. Nếu không đắc văn tư mà chỉ có phương tiện cần tu tập tu tuệ, thì cũng không được gọi là an trụ vào pháp. Nếu đều đắc hai thứ phương tiện an trụ, như vậy mới gọi là an trụ vào pháp. Như kinh nói: “Đại đức nên biết! Nếu các Tỳ-kheo trụ pháp như vậy, mới được gọi là Tỳ-kheo trụ pháp”. Trong kinh này Thế Tôn hiển bày, nếu có thể nương đầy đủ Văn, Tư, Tu mà trụ thì mới gọi là trụ pháp, không phải hễ trụ bất cứ một phương tiện tu tập nào cũng được gọi là trụ pháp. Nếu chỉ đối với pháp mà thọ trì đọc tụng và người giảng nói cho nghe... thì gọi đó là văn tư sinh tuệ. Như nói, nếu ở xứ kia nghiên cứu nhiều văn tự đó, đọc tụng giảng nói, lại cũng nhiều tâm tư, chỉ tu văn tuệ tư tuệ, không tu tập tu tuệ, xa lìa Du-già... thì không thể lập ra làm trụ pháp. Nếu tu Tam-ma-địa phương tiện không biết đủ thì gọi đó là tu sinh tuệ. Như nói rằng, nếu chưa đắc văn tư mà chỉ có tu tu tuệ, thì cũng không thể lập làm trụ pháp, nên Thế Tôn nhân theo Tỳ-kheo trụ pháp mà nói rằng: “Hoặc Tỳ-kheo đối với pháp rất ráo”. Đó là khế kinh, ứng tụng cho đến nói rộng, sau lại nói: “Không xả Du-già, tất cả như vậy”, phải như lý mà biết. Nếu có đắc đủ Văn, Tư, Tu tuệ thì nương vào hai thứ trụ, đó là trụ pháp. “Không xả Du-già, tất cả như vậy”, là tu Tam-ma-địa phương tiện không biết đủ để hiển bày tu sinh tuệ. Tam-ma-địa phương tiện, là phương tiện vô gián ân trọng và phương tiện vô điên đảo, đây là hiển bày hai thứ phương tiện:

1. Thuộc về phương tiện vô gián ân trọng, như nói, bất xả du-già.

2. Thuộc về phương tiện vô điên đảo, như nói, bất xả tác ý.

Bất tri túc, là không sinh nhiễm đấm tu Xa-ma-tha phương tiện cõi trên, như nói, bất xả nội tâm Xa-ma-tha. Đây là nói về không sinh đấm vị và tu Xa-ma-tha phương tiện cõi trên nên gọi là Bất xả.

Hỏi: Lại nữa, vì sao mà phần phương quảng trong mười hai phần thánh giáo gọi là tạng Bồ-tát Ba-la-mật-đa?

Đáp: Vì trong phần này nói rộng tất cả số, tướng, thứ lớp, thích từ, tu, sai khác, thâm nhiếp, sở trị, công đức, hỗ tương quyết trạch của Ba-la-mật-đa.

Hỏi: Nói ở đâu?

Đáp: Như trong kinh nói: “Đại thừa, tức là tạng Bồ-tát Ba-la-mật-đa.

Hỏi: Làm sao giảng nói số, tướng, thứ lớp cho đến quyết trạch lẫn nhau của Ba-la-mật-đa?

Đáp: Số có hai thứ:

1. Số tính toán.
2. Số chắc chắn.

Số tính toán, là sáu Ba-la-mật-đa. Số chắc chắn, là Ba-la-mật-đa có sáu số không thêm, không bớt.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì tất cả đạo Bồ-tát lược có hai thứ:

1. Đạo tăng thượng sinh.
2. Đạo chắc chắn thắng.

Như thứ lớp mỗi đạo thâm nhiếp ba pháp.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì đạo tăng thượng sinh có ba thứ:

- a. Đại tư tài.
- b. Đại tự thể.
- c. Đại quyền thuộc.

Thí Ba-la-mật-đa chiêu cảm quả của đại tư tài, giới Ba-la-mật-đa chiêu cảm quả của đại tự thể, do trì tịnh giới mà sinh trong đường thiện được thân tôn quý, nhẫn Ba-la-mật-đa chiêu cảm quả của đại quyền thuộc, vì người thực hành nhẫn thì đều là chỗ quy y nương tựa của tất cả chúng sinh.

Đạo chắc chắn thắng có ba thứ:

1. Phục các phiền não tu tập phẩm thiện phương tiện.

2. Thành thực hữu tình phương tiện.

3. Thành thực pháp Phật phương tiện.

Như vậy trong ba thứ hễ thiếu bất cứ một thứ nào thì đạo chắc chắn thắng của Bồ-tát chắc chắn không thành tựu. Thành thực hữu tình phương tiện, là tinh lự Ba-la-mật-đa, dựa vào đây mà phát thân thông thành thực hữu tình. Lại nữa, Ba-la-mật-đa là phương tiện của Niết-Bàn vô trụ xứ, số của nó chỉ có sáu.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì các Bồ-tát làm trái với trụ Niết-bàn, trong sinh tử tăng thượng sinh, làm trái với trụ sinh tử, tức là đối với sinh tử không nhiễm ô, nên ba pháp trước là đắc phương tiện tăng thượng sinh, ba pháp sau là phương tiện không nhiễm ô, phải biết tùy sự thích ứng của nó như trước. Phương tiện không nhiễm ô, là do tinh tiến nên tu tập đối trị. Do Tinh lự nên điều phục các phiền não, do trí tuệ nên dứt hẳn trừ bỏ tất cả phiền não tùy miên. Lại nữa, vì thâm nhiếp lợi ích cho tất cả hữu tình nên đối trị tất cả phiền não.

Hỏi: Ba-la-mật-đa chỉ có sáu thứ. Vì sao?

Đáp: Vì Đại Bồ-tát do bố thí nên dẫn nhiếp vật dụng tài sản, mà phương tiện thâm nhiếp lợi ích cho tất cả hữu tình. Do trì giới nên không khởi xâm tổn ép ngặt não loạn, mà phương tiện thâm nhiếp lợi ích cho tất cả hữu tình, như thứ lớp của nó, không hủy hoại tài sản và thân tâm người khác, do nhẫn nhục nên chịu đựng được sự xâm tổn ép ngặt não loạn, mà phương tiện thâm nhiếp lợi ích hữu tình, vì kham nhẫn được người khác xâm tổn tài sản của mình. Do ba pháp này mà khéo có thể lợi ích cho hữu tình. Do tinh tiến nên tuy chưa dứt hẳn điều phục tất cả phiền não, nhưng dựa vào phẩm thiện tu đối trị phiền não kia, do Tinh lự nên điều phục hẳn phiền não, do trí tuệ nên dứt hẳn tùy miên. Do ba pháp này có thể khéo đối trị tất cả phiền não.

Tướng, là tướng Ba-la-mật-đa của các Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là tướng của Thí Ba-la-mật-đa?

Đáp: Là các Bồ-tát an trụ pháp tánh nơi Bồ-tát, tâm Bồ-đề làm chỗ nương, dùng bi dẫn dắt tâm xả tất cả nghiệp thân ngữ ý trong tất cả thời, như vậy do chủng tánh, nguyện, ý lạc, sự, tự thể, hiển tướng của thí Ba-la-mật-đa. Chủng tánh, là pháp tánh của Bồ-tát. Nguyện, là tâm Bồ-đề. Ý lạc, là bi dẫn dắt tâm. Sự, là xả các sở hữu. Tự thể, là nghiệp thân ngữ ý.

Hỏi: Thế nào là tướng của Giới Ba-la-mật-đa?

Đáp: Là các Bồ-tát an trụ trong pháp tánh của Bồ-tát, tâm Bồ-đề

làm chỗ nương, vì khi bị dẫn dắt tâm thọ trì tất cả Bồ-tát giới, là tất cả nghiệp thân ngữ ý.

Hỏi: Thế nào là tướng của Nhãn Ba-la-mật-đa?

Đáp: Là các Bồ-tát an trụ trong pháp tánh của Bồ-tát, tâm Bồ-đề làm chỗ nương, vì khi bị dẫn dắt tâm gắng nhẫn an thọ các oán khổ, là tất cả nghiệp thân ngữ ý.

Hỏi: Thế nào là tướng của tinh tiến Ba-la-mật-đa?

Đáp: Là các Bồ-tát an trụ trong pháp tánh của Bồ-tát, tâm Bồ-đề làm chỗ nương, vì khi bị dẫn dắt tâm dẫn phát tất cả pháp thiện, là tất cả nghiệp thân ngữ ý.

Hỏi: Thế nào là tướng của Tĩnh lự Ba-la-mật-đa?

Đáp: Là các Bồ-tát an trụ trong pháp tánh của Bồ-tát, tâm Bồ-đề làm chỗ nương, vì khi bị dẫn dắt tâm khởi tất cả thứ nghiệp thân ngữ ý tự tại thọ dụng, là tất cả tất cả tâm thường an trụ.

Hỏi: Thế nào là tướng của tuệ Ba-la-mật-đa?

Đáp: Là các Bồ-tát an trụ trong pháp tánh của Bồ-tát, tâm Bồ-đề làm chỗ nương, vì khi bị dẫn dắt tâm khởi tất cả nghiệp thân ngữ ý tự tại thọ dụng, là tất cả tất cả các pháp xét chọn.

Lại nữa, nếu sở hành thí dựa vào tánh Tát-phạt-nhã (Nhất thiết trí) thì có thể chiêu cảm tánh Tát-phạt-nhã, tánh Tát-phạt-nhã, có thể làm tất cả sự của tánh Tát-phạt-nhã, gọi là tướng của thí Ba-la-mật-đa, các câu như vậy theo thứ lớp các Ba-la-mật-đa tiếp, do phát khởi, tập khí, tự thể, đẳng lưu mà hiển tướng của Ba-la-mật-đa. Phát khởi, là chỗ nương của tánh Nhất thiết trí, hễ có sinh khởi tất cả hạnh thí thì đều hồi hướng tánh Tát-phạt-nhã. Tập khí, là có thể chiêu cảm Nhất thiết trí tánh, tức là sở hành thí huân tu nối tiếp, đối với đời vị lai có thể chiêu cảm tánh Tát-phạt-nhã. Tự thể, là Nhất thiết trí tánh, tức là sở hành thí rốt ráo tròn đầy, lúc đó có thể làm thành Pháp thân của Phật. Đẳng lưu, là có thể là tất cả Nhất thiết trí sự, từ đây về sau do thân thọ dụng và thân biến hóa đẳng nên lưu môn phát khởi tất cả tánh Tát-phạt-nhã. Như vậy tướng của thí Ba-la-mật-đa cho đến tướng của tuệ Ba-la-mật-đa đều phải nói như vậy.

Thứ lớp, là các Ba-la-mật-đa trước có thể làm chỗ nương của các Ba-la-mật-đa sau.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì Đại Bồ-tát do thí Ba-la-mật-đa tập quen thí xả các việc trong ngoài, không quan tâm tới thân mạng, từ bỏ của báu, kho báu, thọ trì giới cấm. Do hộ trì giới mà bị người khác chê bai mắng nhiếc, không

bao giờ trả thủ, do như vậy mà có thể chịu đựng được, vì chịu đựng được các khổ nóng lạnh, hề gặp duyên này thì gia hạnh không ngừng mà phát khởi cần tinh tiến, tinh tiến phương tiện chứng quả rốt ráo thành mãn tính lực. Tính lực đã thành mãn rồi, thì do tâm tịnh định như thật tri mà chứng đắc đại tuệ xuất thế rốt ráo.

Hỏi: Lại nữa, các Ba-la-mật-đa trước làm chỗ duy trì của các Ba-la-mật-đa sau, là giới có thể trì thí cho đến tuệ có thể duy trì tính lực, do có đủ Thi-la mà thí được thanh tịnh. Vì sao?

Đáp: Là do hành bố thí thâm nhiếp lợi ích hữu tình, do có đủ Thi-la mà không bị não hại, nên Bồ-tát đối với người thọ thí, vì lìa não hại mà khéo có thể thí cho các pháp an vui thanh tịnh.

Hỏi: Do tịnh giới lực mà thí được thanh tịnh, như vậy do nhẫn lực mà giới được thanh tịnh. Vì sao?

Đáp: Là do có thể nhẫn thọ sự bất lợi ích của người khác, không bao giờ hủy phạm các học xứ.

Hỏi: Do tinh tiến mà nhẫn được thanh tịnh. Vì sao?

Đáp: Là do năng lực mạnh mẽ nên ở lâu trong sinh tử không phải là khó, có thể chịu sự trái nghịch của chúng sinh.

Hỏi: Do tính lực mà tinh tiến thanh tịnh. Vì sao?

Đáp: Là do hỷ lạc đều có thể siêng năng tu tập tất cả pháp thiện không ngơi nghỉ.

Hỏi: Do có đủ tuệ mà tính lực được thanh tịnh. Vì sao?

Đáp: Là nếu do vô lượng môn mà niệm niệm quán sát các pháp có thể chứng vắng lặng bên trong, tăng trưởng Tam-ma-địa, lại cũng Già-tha nói, không có Tính lực nếu không nương vào tuệ.

Hỏi: Lại , do thô và tế mà Ba-la-mật-đa có thứ lớp trước sau. Vì sao?

Đáp: Hạnh vì thí trong các hạnh là rất thô, nên lập ở đầu, đối với các hạnh như nhẫn... thì giới lại là thô nên lập ở kế thí, cho đến đối với tuệ thì tính lực là thô, tuệ thì rất tế trong tất cả hạnh nên lập tuệ ở sau cùng.

Thích từ, là việc làm hành bố thí của các Bồ-tát. Lìa do gọi là thí Ba-la-mật-đa, là do đại thí, lìa lỗi, lìa cấu, nên gọi là thí Ba-la-mật-đa. Đại thí, là xả hết tất cả việc trong ngoài, vì trường thời thí. Lìa lỗi, là xa lìa lỗi bất bình đẳng để truy tìm bình đẳng. Lìa cấu, là dứt hẳn tất cả san tham cần đối trị. Như trong Phẩm Thí Vô Tận của kinh Vô Tận Tuệ nói: “Thế nào là lìa cấu? Là lìa hẳn chỗ bị trị và gồm cả tập khí”. Như vậy ba câu hiển bày ba thứ tối thắng của Ba-la-mật-đa.

Ba thứ là:

1. Tự thể tối thắng gồm cả chứa nhóm.
2. Phương tiện tối thắng.
3. Quả tối thắng.

Chứa nhóm, là thí trong thời gian dài. Như thí Ba-la-mật-đa có ba thứ, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa cũng vậy, người lia lỗi của giới... là xa lia ngã tăng ích..., tùy theo sự thích ứng của nó, như kinh vô tận tuệ nói rộng. Lại nữa, vì cùng với hai thứ tối thắng tương ứng nên gọi là Ba-la-mật-đa.

Mười hai thứ tối thắng:

1. Rộng lớn tối thắng, vì không cầu tất cả lạc thế gian, cũng là tối thượng.
2. Trường thời tối thắng, trải qua sự chứa nhóm trong một ba Đại kiếp A-tăng-xí-da.
3. Sở vì tối thắng, là vì lợi ích an vui cho tất cả hữu tình.
4. Vô tận tối thắng, là do hồi hướng đại Bồ-đề rốt ráo vô tận.
5. Vô gián tối thắng, là do đắc tự tha bình đẳng giải thoát khiến cho các hữu tình đối với thí, giới... Ba-la-mật-đa mau chóng tròn đầy.
6. Vô nan tối thắng, là chỉ do tùy hỷ sự thực hành thí, giới... của kẻ khác khiến cho Ba-la-mật-đa mau chóng tròn đầy.
7. Đại tự tại tối thắng, là do đắc các Tam-ma-địa của hư không tạng... khiến cho thí, giới... Ba-la-mật-đa mau chóng tròn đầy.
8. Nhiếp thọ tối thắng, trí Vô phân biệt nhiếp thọ.
9. Phát khởi tối thắng, là việc thực hành thí, giới... Ba-la-mật-đa của thượng phẩm nhân vị trong địa giải hạnh.
10. Chứng đắc tối thắng, là sự thực hành thí, giới... Ba-la-mật-đa trong sơ địa.
11. Đẳng lưu tối thắng, là sở hành thí, giới... Ba-la-mật-đa trong tám địa còn lại.
12. Tròn đầy tối thắng, là tất cả thí, giới... Ba-la-mật-đa của địa thứ mười và địa Như Lai.

Như thứ lớp Bồ-tát tròn đầy, Phật tròn đầy. Lại nữa, sự tạo tác tối thắng, sự đạt đến tối thắng, gọi là Ba-la-mật-đa, vì đó là đã làm đã đến. Lại nữa, đạt đến chỗ nhận biết về bờ kia gọi là Ba-la-mật-đa, vì an trụ Phật tánh. Lại nữa, cứu giúp tai họa tối cực của tự tha gọi là Ba-la-mật-đa, vì có thể khiến cho tự tha vượt qua biển khổ lớn sinh tử.

Từ cộng đã giải thích, từ bất cộng bây giờ sẽ nói. Người bỏ bố thí thì vị lai sẽ nghèo khổ, người bỏ thọ thì hiện tại nhiệt não, nên gọi là thí.

Vì có thể khiến cho các căn dứt hẳn được vắng lặng hẳn, có thể tiến đến các đường thiện thanh tịnh, có thể làm mát mẻ làm chỗ nương tựa, nên gọi là giới, tùy thứ lớp của nó mà có thể dẫn phát giữ gìn các căn môn. Vì tiến đến nhân của đường thiện thanh tịnh, có thể làm thứ lớp cho vô hối cho đến chỗ nương của Niết-bàn, xa lìa tro nóng của tất cả phần, xa lìa tâm không xả oán hại, hiển phát về người tổn hại thì thường an ổn, gọi là nhẫn. Tâm Oán hại, là khởi tâm trả thù. Không xả, là không từ bỏ tâm oán hại này. Người ôm tâm oán gọi là người tổn hại. Hiển hiện rõ người tổn hại này mà không kinh sợ gọi là hiển phát. “Hiển phát về người tổn hại thì thường an ổn”, là tổn hại tác dụng sinh trưởng tương ứng nên gọi là tinh tiến. “Tổn hại tác dụng tương ứng”, là vì hai chánh đoạn ở trước có thể tổn hại pháp bất thiện. “Sinh trưởng tác dụng tương ứng”, là vì hai chánh đoạn sau có thể sinh trưởng các pháp thiện, có thể duy trì, có thể ngừng dứt, có thể tĩnh, có thể điều phục, lại cũng có thể dẫn phát, nên gọi là tĩnh lự. Có thể trì, là đối với cảnh mà nhiếp lấy tâm. Có thể ngừng dứt, là ngừng dứt các tán loạn. Có thể tĩnh, là khiến cho tâm vắng lặng. Có thể điều phục, là chế phục các trói buộc. Có thể dẫn phát, là có thể dẫn phát tác dụng tự tại. Vì tha sở phát trí, nội chứng trí, chủng biệt trí, đặc vắng lặng trí, thắng đức trí, nên gọi là tuệ. Tha sở phát trí, là nhờ tiếng nói của người khác mà sinh tuệ, và như lý khởi ý tương ứng với tuệ. Nội chứng trí, là tuệ xuất thế gian. Chủng biệt trí, là tuệ xuất thế gian hậu sở đắc. Đặc vắng lặng trí, là tuệ trị phiền não trong Tu đạo. Thắng đức trí, là tuệ năng dẫn phát công đức thù thắng .

